

CTCP PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU (DCM – HOSE)

Nền tảng bền vững, kinh doanh ổn định

KHẢ QUAN

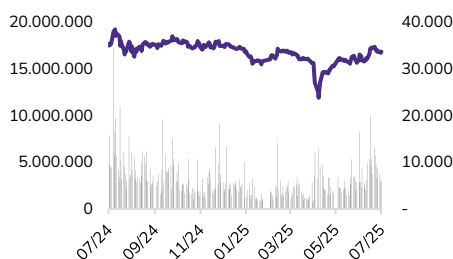
Lê Thị Kim Huê

Email: hue.lethikim@abs.vn

THÔNG TIN CƠ BẢN

Ngành	: Phân bón
Ngày báo cáo	: 15/07/2025
Giá hiện tại (VND/CP)	: 34.050
Giá mục tiêu (VND/CP)	: 38.100
Tỷ lệ tăng (%)	: +11,9%
Vốn hóa (Tỷ VND)	: 18.026
SLCPĐLH (CP)	: 529.400.000

DIỄN BIẾN GIÁ



Nguồn: FiinPro, ABS Research

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	1Q24	1Q25
Tăng trưởng DTT (%)	0,3%	24,1%
Tăng trưởng LNST (%)	51,3%	18,9%
Biên LNG (%)	25,9%	26,0%
Biên LNST (%)	12,6%	12,1%
ROA (%)	2,2%	2,4%
ROE (%)	3,4%	3,9%
Nợ vay/VCSH (lần)	0,14	0,17
EPS (VND/CP)	613	732
BVPS (VND/CP)	19.381	19.894

Nguồn: FiinPro, ABS Research

Luận điểm đầu tư

- KQKD năm 2024 khả quan với DTT đạt 13.456 tỷ đồng (+7% svck), LNST cổ đông Công ty mẹ đạt 1.420 tỷ đồng (+28% svck), hoàn thành 125% kế hoạch LNST năm 2024.
- Q1/2025 khởi đầu ấn tượng với DTT đạt 3.407 tỷ đồng (+24,1% svck), LNST cổ đông Công ty mẹ đạt 411 tỷ đồng (+18,9% svck). Như vậy, kết thúc Q1/2025, DCM đã hoàn thành 25,5% kế hoạch doanh thu và 52,5% kế hoạch LNST năm 2025.
- Tình hình tài chính lành mạnh với lượng tiền dồi dào & đòn bẩy tài chính thấp, có lịch sử chi trả cổ tức tiền mặt cao & khá đều.
- Chúng tôi đánh giá triển vọng của DCM tích cực dựa trên các yếu tố sau:**
 - Thị trường phân bón cả trong nước và quốc tế năm 2025 & thời gian tới dự kiến duy trì ổn định.
 - Biên lợi nhuận gộp dự báo có thể cải thiện do: 1) Giá ure đang trong xu hướng tăng trở lại; 2) Giá khí đầu vào năm 2025 kỳ vọng có thể giảm svck do triển vọng giá dầu dự báo vẫn suy yếu.
 - DCM đang dần mở rộng thị trường xuất khẩu sang các thị trường khó tính như Úc & New Zealand...
 - Mảng NPK – triển vọng dài hạn đến từ việc tăng năng lực sản xuất nhờ thầu tóm KVF. Sau khi thầu tóm KVF, năng lực sản xuất của DCM đã tăng lên 660 nghìn tấn/năm (+120% công suất).
 - Hưởng lợi từ Luật thuế VAT sửa đổi. Kể từ 1/7/2025, phân bón chính thức trở thành mặt hàng chịu thuế VAT đầu ra với thuế suất 5%. DCM là một trong số các DN phân bón hưởng lợi vì nguyên liệu đầu vào chính của DCM là khí thiên nhiên và khoản thuế VAT đầu vào này sẽ được hoàn thuế & DCM sẽ được hưởng lợi do ghi nhận giảm chi phí so với các năm trước. Chúng tôi ước tính việc khấu trừ thuế VAT này có thể giúp DCM tiết kiệm 380-450 tỷ đồng/năm.
 - Liên tục cải tiến kỹ thuật nhằm nâng cao hiệu suất vận hành & giảm chi phí sản xuất. Công suất thiết kế của Nhà máy Đạm Cà Mau đã được nâng từ 100% lên 115% thông qua việc xử lý các điểm nghẽn công nghệ và áp dụng các giải pháp đổi mới. Trong giai đoạn tới, Công ty tiếp tục đặt mục tiêu nâng công suất lên 118%, tiến tới 125%.

- ✓ Mở rộng sang lĩnh vực chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa. Trong kỳ họp ĐHCĐ năm 2025, Đại hội đã thông qua việc bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh mới là chế biến sữa hạt và các sản phẩm từ sữa hạt. Theo đó, Công ty sẽ nghiên cứu thử nghiệm chế biến các loại hạt giàu dinh dưỡng, sẽ chủ động phát triển vùng nguyên liệu, đồng thời hợp tác với các doanh nghiệp đã có nền tảng trong ngành thực phẩm để xây dựng thương hiệu và xác định phân khúc thị trường rõ ràng, từng bước thiết lập chuỗi cung ứng khép kín, củng cố vị thế và nâng cao khả năng phát triển bền vững trong lĩnh vực nông nghiệp - thực phẩm. Chúng tôi đánh giá đây là lĩnh vực hoàn toàn mới đối với DCM và cần thời gian để kiểm nghiệm sự thành công. Do đó, chúng tôi chưa đưa vào mô hình dự phóng.
- Chúng tôi dự phóng DTT & LNST của cổ đông Công ty mẹ năm 2025F của DCM dự kiến đạt 16.955 tỷ đồng (+26% svck) & 1.917 tỷ đồng (+35% svck). EPS & BVPS 2025F dự kiến đạt 3.621 đồng/cp & 20.738 đồng/cp, tương ứng 2025F P/E và P/B đạt 9,50 lần & 1,65 lần tại mức giá giao dịch hiện tại.
- Năm 2026F, chúng tôi dự phóng DTT & LNST cổ đông Công ty mẹ của DCM đạt 18.207 tỷ đồng (+7,4% svck) & 2.163 tỷ đồng (+12,8% svck). EPS & BVPS 2026F dự kiến đạt 4.085 đồng/cp & 22.778 đồng/cp, tương ứng 2025F P/E & P/B đạt 8,40 lần & 1,50 lần tại mức giá hiện tại.
- Giá mục tiêu chúng tôi đưa ra là **38.100 đồng/cp**, tương ứng tiềm năng tăng giá **+11,9%** so với giá hiện tại. Do đó, chúng tôi khuyến nghị **KHẢ QUAN** đối với cổ phiếu DCM.
- **Rủi ro:**
 - ✓ Rủi ro giá nguyên liệu đầu vào tăng mạnh hơn dự báo của chúng tôi.
 - ✓ Giá bán phân bón có thể sụt giảm do những động thái tăng xuất khẩu của các quốc gia lớn.
- **Cơ hội:**
 - ✓ Giá phân bón tăng mạnh hơn dự báo của chúng tôi do những yếu tố thắt chặt nguồn cung từ các quốc gia lớn, căng thẳng địa chính trị làm gián đoạn nguồn cung.
 - ✓ Giá nguyên liệu giảm mạnh hơn dự báo của chúng tôi.

Bảng tổng hợp và dự phóng kết quả kinh doanh của DCM

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	2023	2024	2025F	2026F
Doanh thu thuần	12.571	13.456	16.955	18.207
Tăng trưởng doanh thu thuần (%)	-21,1%	7,0%	26,0%	7,4%
Lợi nhuận gộp	2.032	2.513	3.722	4.183
Biên lợi nhuận gộp (%)	16,2%	18,7%	22,0%	23,0%
Doanh thu tài chính	577	382	425	474
Chi phí tài chính	-27	-77	-92	-94
Chi phí bán hàng	-801	-1.014	-1.342	-1.441
Chi phí QLDN	-549	-481	-667	-716
Lợi nhuận từ HĐKD	1.232	1.323	2.046	2.406
Lãi/Lỗ khác	22	199	6	6
Lợi nhuận trước thuế	1.255	1.522	2.052	2.412
LNST cổ đông Công ty mẹ	1.109	1.420	1.917	2.163
Biên lợi nhuận ròng (%)	8,8%	10,6%	11,3%	11,9%
EPS (đồng/cp)	1.797	2.394	3.621	4.085

Nguồn: BCTC DCM, ABS Research

Cập nhật doanh nghiệp

KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA DCM Q1/2025 & NĂM 2024

BẢNG KẾT QUẢ KINH DOANH (Tỷ VND)	1Q24	1Q25	%YOY	2023	2024	%YOY
Doanh thu thuần	2.744	3.407	24,1%	12.571	13.456	7,0%
Lợi nhuận gộp	710	885	24,7%	2.032	2.513	23,7%
Biên lợi nhuận gộp (%)	25,9%	26,0%		16,2%	18,7%	
Chi phí Bán hàng & QLDN	(452)	(511)	13,1%	(1.349)	(1.495)	10,8%
Tỷ lệ Chi phí bán hàng & QLDN/DTT (%)	16,5%	15,0%		10,7%	11,1%	
Doanh thu tài chính	132	97	-26,3%	577	382	-33,8%
Chi phí tài chính	(14)	(19)	35,5%	(27)	(77)	179,7%
Chi phí lãi vay	(7)	(15)	113,9%	(10)	(44)	337,0%
Lợi nhuận từ HĐKD	375	452	20,5%	1.232	1.323	7,4%
Lợi nhuận trước thuế	383	454	18,6%	1.255	1.522	21,3%
LNST sau lợi ích cổ đông thiểu số	346	411	18,9%	1.109	1.420	28,0%
Biên lợi nhuận ròng (%)	12,6%	12,1%		8,8%	10,6%	

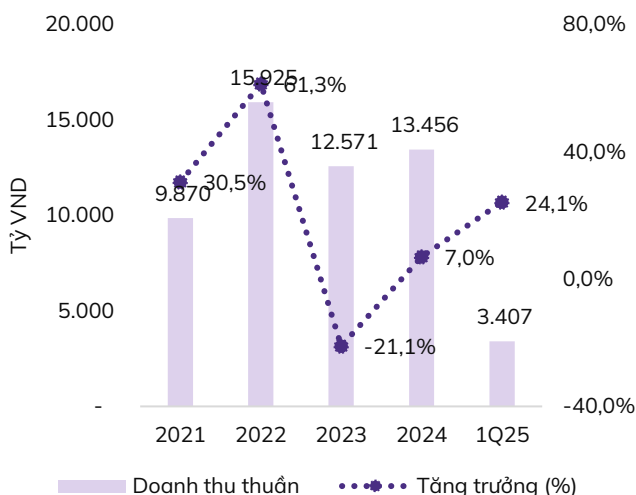
Nguồn: BCTC DCM, ABS Research

Kết quả kinh doanh (KQKD) năm 2024 khả quan:

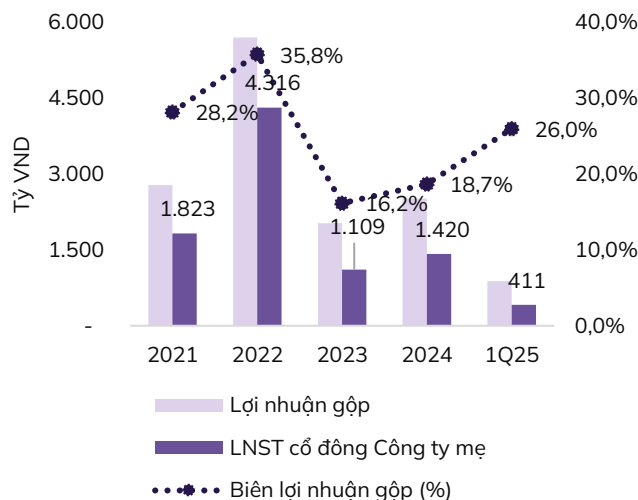
✓ Doanh thu thuần (DTT) của DCM năm 2024 đạt 13.456 tỷ đồng (+7% svck), lợi nhuận gộp (LNG) đạt 2.513 tỷ đồng (+23,7% svck), biên LNG cải thiện lên 18,7% từ mức 16,2% của cùng kỳ năm trước. Trong đó:

- **Mảng chủ đạo là phân ure** có DTT sụt giảm về 7.701 tỷ đồng (-7,3% svck) do sản lượng tiêu thụ sụt giảm -7,1% svck về còn 805 nghìn tấn & giá bán sụt giảm nhẹ về còn 9.570 đồng/kg (-0,3% svck). Tuy nhiên, LNG mảng này lại tăng lên 2.203 tỷ đồng (+17,3% svck) & biên LNG cũng cải thiện mạnh lên 28,6% từ mức 22,6% của năm 2023 do giá vốn giảm mạnh về còn 6.833 đồng/kg (-8% svck) khi giá dầu sụt giảm.
- **Mảng phân NPK**: ngược lại với mảng phân ure, mảng NPK có DTT tăng trưởng ấn tượng +66,9% svck lên 2.796 tỷ đồng do cả sản lượng tiêu thụ và giá bán đều tăng mạnh lần lượt lên 176 nghìn tấn (+26,8% svck) & 15.904 đồng/kg (+31,6% svck). LNG mảng này tăng mạnh lên 402 tỷ đồng (+85,5% svck), biên LNG cải thiện lên 14,4% từ mức 12,9% của năm 2023.
- **Mảng phân bón thương mại** ổn định với DTT đạt 2.440 tỷ đồng (+12,6% svck), LNG đạt 150 tỷ đồng (+4,7% svck), biên LNG sụt giảm nhẹ về 6,2% từ mức 6,6% của năm 2023.

Quy mô & tăng trưởng DTT của DCM

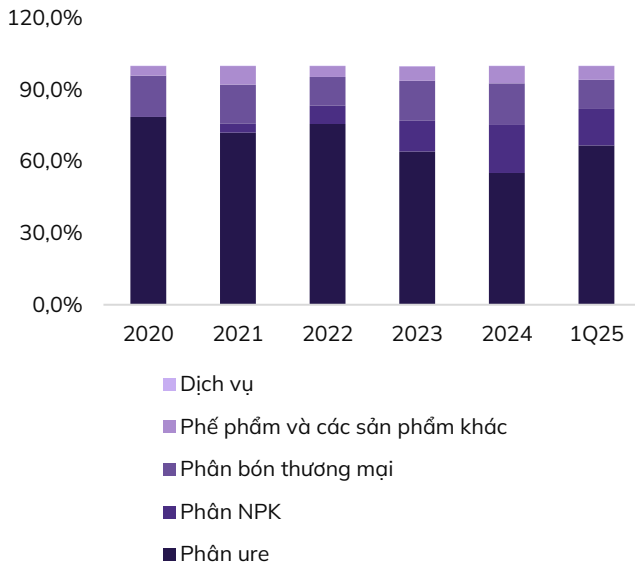


Quy mô & biên lợi nhuận của DCM

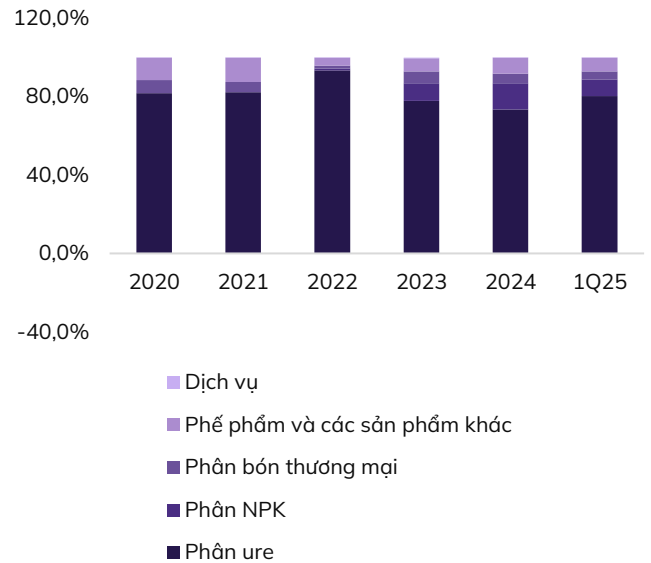


Nguồn: BCTC DCM, ABS Research

Cơ cấu doanh thu của DCM 2020-1Q25

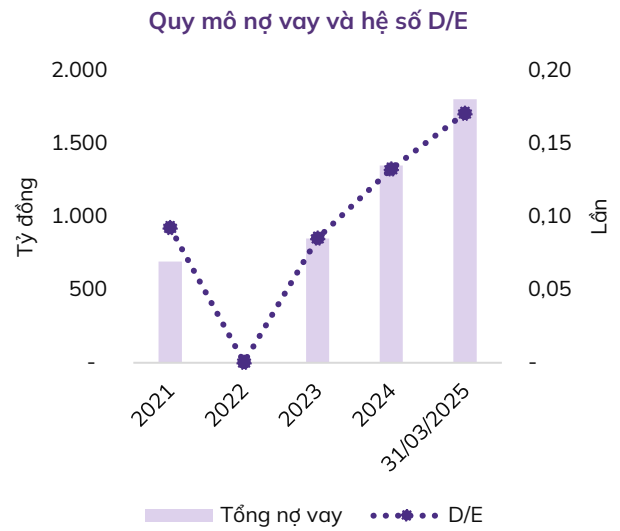
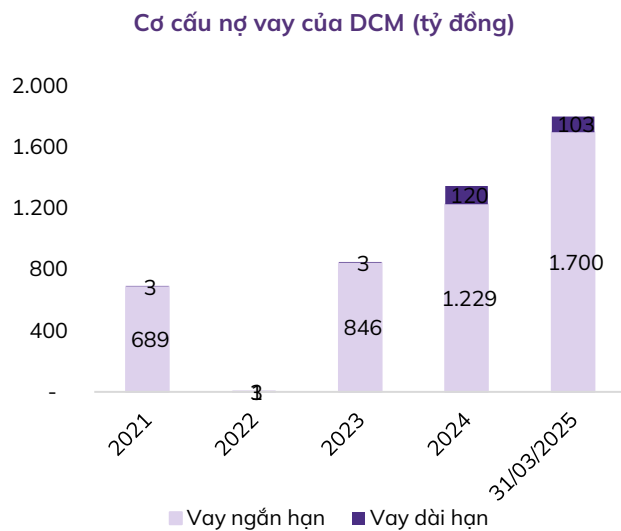


Cơ cấu lợi nhuận gộp của DCM 2020-1Q25



Nguồn: BCTC DCM, ABS Research

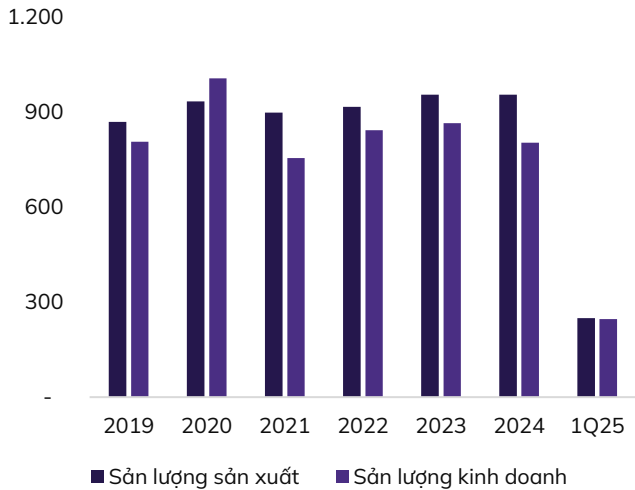
- ✓ Chi phí bán hàng & chi phí QLDN tăng lên 1.495 tỷ đồng (+10,8% svck).
- ✓ Doanh thu tài chính đạt 382 tỷ đồng (-33,8% svck) do lãi tiền gửi giảm. Chi phí tài chính tăng +179,7% svck lên 77 tỷ đồng, do chi phí lãi vay tăng +337% svck lên 44 tỷ đồng & lỗ chênh lệch tỷ giá tăng mạnh lên 32,2 tỷ đồng (+87,2% svck).
- ✓ Ngoài ra, lợi nhuận hoạt động khác tăng mạnh lên 198,7 tỷ đồng (+7,8 lần svck) do có khoản lãi hợp nhất kinh doanh 168,1 tỷ đồng (trong khi cùng kỳ năm 2023 không có khoản này). Đây là khoản thu nhập bất thường liên quan việc thầu tóm Công ty Phân bón Hàn Việt (KVF). Ngày 1/4/2024, DCM đã chính thức nắm quyền kiểm soát 100% vốn góp tại KVF với tổng giá phí hợp nhất kinh doanh là 612,9 tỷ đồng. KVF là DN chuyên sản xuất & kinh doanh phân bón NPK có công suất 360.000 tấn/năm. Việc thầu tóm KVF giúp DCM tăng năng lực sản xuất NPK lên 660.000 tấn/năm.
- ✓ **Kết quả, LNST cổ đông Công ty mẹ đạt 1.420 tỷ đồng (+28% svck), hoàn thành 125% kế hoạch LNST năm 2024.**
- **KQKD Q1/2025 – khởi đầu năm ấn tượng nhờ các mảng kinh doanh đều tăng trưởng tốt:**
- ✓ Q1/2025, DTT của DCM đạt 3.407 tỷ đồng tỷ đồng (+24,1% svck), LNG đạt 885 tỷ đồng (+24,7% svck), biên LNG cải thiện nhẹ lên 26% từ mức 25,9% của cùng kỳ năm trước. Cụ thể:
 - **Mảng phân ure – tận dụng xuất khẩu, biên LNG cải thiện khi giá đầu vào giảm:** mảng này chiếm 67% cơ cấu DTT và trên 80% cơ cấu LNG Q1/2025. Doanh thu phân ure Q1/2025 đạt 2.438 tỷ đồng (-3% svck) nhưng LNG đạt gần 876 tỷ đồng (+15% svck), biên LNG cũng cải thiện lên 35,9% từ mức 30,3% của cùng kỳ năm trước. Sản lượng tiêu thụ ure Q1/2025 đạt 247 nghìn tấn (-5,8% svck) trong khi giá bán tăng lên 9.886 đồng/kg (+2,9% svck), giá vốn giảm về còn 6.335 đồng/kg (-5,5% svck) do giá đầu giảm. Đáng chú ý, DCM đã tận dụng thời điểm Q1 thị trường trong nước yếu để tăng cường xuất khẩu, trong đó doanh thu từ xuất khẩu đạt 1.396 tỷ đồng (+16,9% svck) còn doanh thu nội địa giảm về 1.043 tỷ đồng (-21,2% svck).
 - **Mảng phân NPK – tăng trưởng ấn tượng:** Q1/2025 chứng kiến sự tăng trưởng ấn tượng của phân NPK khi giá bán & sản lượng tiêu thụ tiếp tục tăng mạnh svck, tuy nhiên mảng này chỉ chiếm 15,3% cơ cấu DTT và 8,5% cơ cấu LNG Q1/2025. Trong kỳ, DTT mảng này đạt 521 tỷ đồng (+706,6% svck), LNG đạt 75 tỷ đồng (+320,5% svck). Sản lượng tiêu thụ đạt 23 nghìn tấn (+317,3% svck), giá bán và giá vốn đều tăng mạnh lên 22.703 đồng/kg (+93,4% svck) & 19.423 đồng/kg (+128,7% svck).



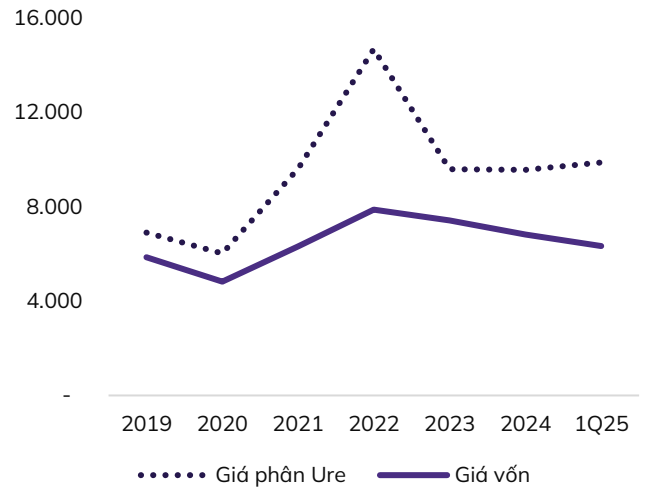
Nguồn: Fiinpro & BCTC của DCM, ABS Research

- ✓ **Mảng phân bón thương mại:** DTT đạt 415 tỷ đồng (+203,4% svck), LNG đạt 36 tỷ đồng (+41,2% svck), biên LNG giảm về 8,7% từ mức 18,7% của cùng kỳ. Sản lượng kinh doanh đạt 34 nghìn tấn (+141,8% svck), giá bán và giá vốn lần lượt đạt 12.054 đồng/kg (+25,5% svck) & 11.004 đồng/kg (+40,9% svck).
- ✓ Chi phí bán hàng & chi phí QLDN tăng +13,1% svck lên 511 tỷ đồng.
- ✓ Doanh thu tài chính đạt 97 tỷ đồng (-26,3% svck) chủ yếu do lãi tiền gửi và lãi chênh lệch tỷ giá giảm. Trong khi đó, chi phí tài chính tăng +35,5% svck lên 19 tỷ đồng, chủ yếu do chi phí lãi vay tăng mạnh +113,9% svck lên 15 tỷ đồng.
- ✓ **Kết quả, LNST cổ đông Công ty mẹ Q1/2025 của DCM đạt 411 tỷ đồng (+18,9% svck). Như vậy, kết thúc Q1/2025, DCM đã hoàn thành 25,5% kế hoạch doanh thu và 52,5% kế hoạch LNST năm 2025.**
- **Tình hình tài chính lành mạnh với lượng tiền dồi dào & đòn bẩy tài chính thấp:**
 - ✓ **Lượng tiền dồi dào.** Tại 31/03/2025, DCM có 9.000 tỷ đồng tiền và các khoản tiền gửi ngân hàng (+0,6% so với cuối năm 2024), chiếm 53,3% cơ cấu TTS. Lượng tiền dồi dào sẽ giúp DCM có thể chủ động trong các hoạt động kinh doanh. Bên cạnh đó, Công ty có lịch sử chi trả cổ tức tiền mặt khá đều, trong đó năm 2020 tỷ lệ chi trả cổ tức của DCM là 8%, năm 2021 là 18%, năm 2022 là 30%, năm 2023 là 20%, năm 2024 là 20% và năm 2025 dự kiến là 10%.
 - ✓ **Các khoản phải thu ngắn hạn & hàng tồn kho có xu hướng tăng mạnh.** Tại 31/03/2025, các khoản phải thu ngắn hạn có giá trị 1.409 tỷ đồng (+166,6% so với thời điểm cuối năm 2024), chiếm 8,3% cơ cấu TTS, trích lập dự phòng 111 tỷ đồng. Trong khi đó, hàng tồn kho chiếm 19,2% cơ cấu TTS, trị giá 3.250 tỷ đồng (+10,2% so với thời điểm cuối năm 2024), trích lập dự phòng 28,5 tỷ đồng. Công ty đã tăng tích trữ nguyên vật liệu cũng như thành phẩm khi giá phân bón giảm về mức thấp.
 - ✓ **Đáng chú ý, khoản mục khấu hao TSCĐ ở mức thấp trị giá 76 tỷ đồng** khi mà Nhà máy sản xuất ure của DCM đã hết khấu hao từ Q4/2023. Năm 2024, khoản mục khấu hao TSCĐ của DCM đã giảm mạnh về còn 268 tỷ đồng (-75,3% svck) & năm 2025 dự kiến sẽ tiếp tục ở mức thấp, giúp cải thiện lợi nhuận cho DCM.
 - ✓ **Đòn bẩy tài chính thấp.** Trong kỳ, nợ vay của DCM đã tăng mạnh lên 1.803 tỷ đồng (+33,7% so với thời điểm cuối năm 2024), trong đó chủ yếu là nợ vay ngắn hạn đạt 1.700 tỷ đồng (+38,3% so với cuối năm 2024). Chúng tôi đánh giá việc tăng nợ vay, phần lớn là nợ vay ngắn hạn của DCM, chủ yếu là để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động. Mặc dù nợ vay tăng mạnh nhưng đòn bẩy tài chính vẫn khá thấp, hệ số D/E chỉ ở mức 0,17 lần. Nhìn chung, từ năm 2019 tới nay, hệ số D/E không vượt qua 0,3 lần, thậm chí năm 2022 công ty còn hầu như không có nợ vay (chỉ vay 3,6 tỷ đồng, hệ số D/E gần như bằng 0).

Sản lượng sản xuất & kinh doanh phân ure (nghìn tấn)

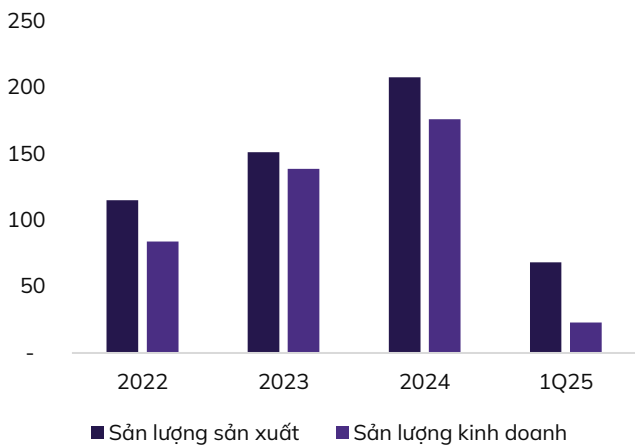


Giá bán & giá vốn phân ure (đồng/kg)

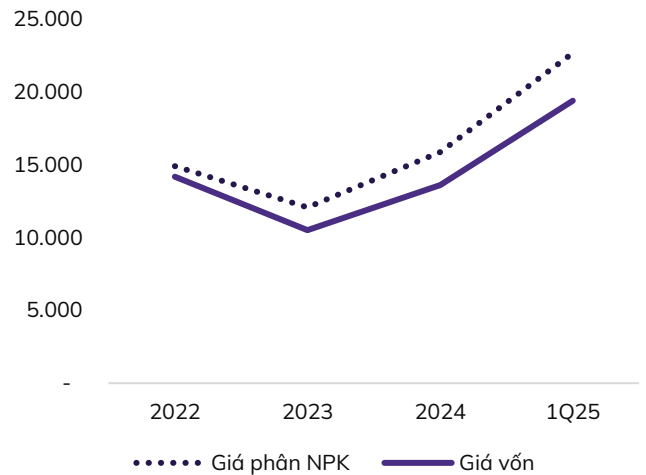


Nguồn: Fiinpro, BCTC của DCM, BCTN của DCM, ABS Research

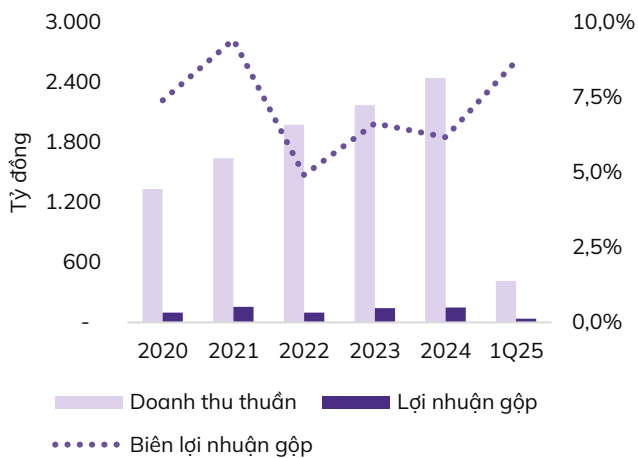
Sản lượng sản xuất & kinh doanh phân NPK (nghìn tấn)



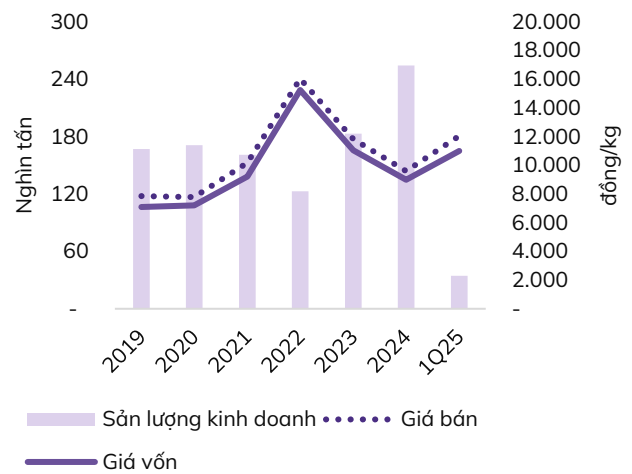
Giá bán & giá vốn phân NPK (đồng/kg)



Doanh thu, lợi nhuận mảng phân bón thương mại



Phân bón thương mại - sản lượng & giá bán, giá vốn



Nguồn: Fiinpro, BCTC của DCM, BCTN của DCM, ABS Research

Triển vọng & Dự phóng kết quả kinh doanh

Chúng tôi đánh giá triển vọng của DCM thời gian tới vẫn khá lạc quan dựa trên các các yếu tố sau:

1. Thị trường phân bón cả trong nước và quốc tế năm 2025 & thời gian tới dự kiến duy trì ổn định:

- Nhu cầu tiêu thụ phân ure thế giới (loại phân bón được sử dụng phổ biến nhất) năm 2025 dự kiến tăng 2-3% nhờ sự hồi phục trong ngành nông nghiệp ở các nước đang phát triển trong bối cảnh giá nông sản chính có dấu hiệu khởi sắc hơn, giúp nông dân cải thiện khả năng chi trả phân bón và vật tư đầu vào tốt hơn.
- Nhu cầu sử dụng phân bón của Việt Nam về cơ bản được đánh giá ở mức ổn định/tăng nhẹ từ 11-12 triệu tấn/năm do giá nông sản chính như lúa gạo, cafe, cây ăn trái... thuận lợi trong thời gian gần đây, nhất là kim ngạch xuất khẩu nông sản của Việt Nam duy trì đà tăng trưởng tốt nhằm tận dụng lợi thế từ các hiệp định thương mại song phương và đa phương đem lại. Ngoài nhu cầu nông nghiệp tăng, các yếu tố như chính sách hỗ trợ từ Chính phủ & các chính sách thúc đẩy nông nghiệp, khuyến khích chuyển đổi cây trồng và áp dụng canh tác bền vững cũng hỗ trợ nhu cầu tiêu thụ phân bón. Theo đánh giá của nhiều chuyên gia, tốc độ tăng trưởng của ngành phân bón Việt Nam giai đoạn 2025-2033 tăng trưởng ước đạt 5%/năm. Theo Mordor Intelligence, quy mô thị trường phân bón Việt Nam ước tính đạt 3,44 tỷ USD vào năm 2024 và dự kiến sẽ đạt 4,20 tỷ USD vào năm 2030, tăng trưởng với tốc độ CAGR là 3,38% trong giai đoạn dự báo (2024-2030).

2. Biên lợi nhuận gộp dự báo có thể cải thiện do:

- Giá ure đang trong xu hướng tăng trở lại.** Hiện giá ure đang giao dịch quanh 415 USD/tấn (+23,2% so với đầu năm). Chúng tôi cho rằng xu hướng giá ure có thể tiếp tục phục hồi do: i) Nhu cầu tiêu thụ phân bón cao; ii) Dấu hiệu thắt chặt nguồn cung từ: 1) Trung Quốc hạn chế xuất khẩu phân bón. Hiện Trung Quốc vẫn chủ trương duy trì chính sách kiểm soát hạn ngạch xuất khẩu phân bón ra thị trường quốc tế nhưng chính sách này có thể thay đổi; 2) Tại khu vực Trung Đông, chính phủ Ai Cập đã quyết định gia hạn vô thời hạn việc cắt giảm 30% nguồn cung khí đốt đối với tất cả các nhà sản xuất phân ure tại nước này, từ đó ảnh hưởng lớn đến nguồn cung toàn cầu; 3) Do căng thẳng địa chính trị dẫn tới gián đoạn nguồn cung. Bên cạnh đó, giá phân NPK năm 2025 tiếp tục tăng cao do giá đầu vào như ure, DAP và kali tăng cao hơn.
- Giá khí đầu vào năm 2025 kỳ vọng có thể giảm svck:** Hiện nay, giá khí của DCM được “neo” theo giá dầu FO tại thị trường Singapore. Giá dầu FO biến động khá cùng chiều với giá dầu Brent và chúng tôi cho rằng triển vọng giá dầu dự báo sẽ vẫn suy yếu khi nhu cầu tiêu thụ dự báo giảm trong khi nguồn cung có dấu hiệu dư thừa khi OPEC+ liên tục tăng sản lượng. OPEC, Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) và một số ngân hàng, bao gồm Goldman Sachs và JPMorgan, đã cắt giảm dự báo giá dầu và tăng trưởng nhu cầu trong năm nay khi thuế quan của Mỹ và hành động trả đũa từ các quốc gia khác khiến thương mại toàn cầu trở nên bất ổn, từ đó làm giảm nhu cầu tiêu thụ dầu.

3. Mở rộng thị trường xuất khẩu:

- Tính sơ bộ, 5 năm qua, DCM đã xuất khẩu hơn 1 triệu tấn ure đến hơn 20 thị trường lớn trên thế giới ở khắp thế giới.
- Hiện nay, thị trường Campuchia vẫn là thị trường xuất khẩu hàng đầu của DCM khi DCM chiếm 60% thị phần phân ure tại thị trường này. Việc mở văn phòng đại diện tại Phnom Penh (cuối tháng 5/2025) được xem là bước đệm nâng cao hiệu quả chuỗi cung ứng và củng cố vị thế trong khu vực.
- Tiến sâu vào thị trường khó tính như Úc & New Zealand: Bước sang Q1/2025, DCM tổ chức xuất khẩu hơn 100.000 tấn đi Úc và dự kiến đàm phán thêm một số đối tác để triển khai các hoạt động xuất khẩu lô hàng tiếp theo.
- Ngoài ra, DCM còn mở rộng sang các nước khác như Mexico, Peru, Hoa Kỳ...với dòng sản phẩm NPK, DAP...

4. Mảng NPK – triển vọng dài hạn đến từ việc tăng năng lực sản xuất nhờ thâm tóm KVF. Việc thâm tóm KVF giúp đem lại một số lợi thế cho DCM như sau:

- Tăng năng lực sản xuất NPK. KVF có công suất sản xuất NPK là 360 nghìn tấn/năm. Sau khi thu tóm KVF, năng lực sản xuất của DCM sẽ tăng lên 660 nghìn tấn/năm (+120% công suất).
- Nhà máy của KVF có lợi thế gần cảng, thuận tiện mở rộng thị trường sang các thị trường xa hơn như khu vực Đông Nam Bộ, miền Trung và Tây Nguyên.
- Tận dụng diện tích kho bãi lớn của KVF giúp DCM tiết giảm chi phí lưu kho và gia tăng sự linh hoạt trong việc lưu trữ nguyên liệu đầu vào để sản xuất NPK. KVF hiện đang sở hữu 1,2ha kho nguyên liệu, 1,3ha kho thành phẩm & 3ha đất trống dự kiến sẽ được xây dựng thành kho nguyên liệu.

5. **Hưởng lợi từ Luật thuế VAT sửa đổi:**

- Ngày 26/11/2024, Quốc hội đã chính thức thông qua Dự thảo Luật thuế Giá trị gia tăng (VAT) sửa đổi. Theo đó kể từ ngày 1/7/2025, phân bón chính thức trở thành mặt hàng chịu thuế VAT đầu ra với thuế suất 5%.
- Chúng tôi cho rằng việc áp dụng thuế GTGT đối với mặt hàng phân bón sẽ cho phép các doanh nghiệp được khấu trừ thuế GTGT đầu vào, từ đó hỗ trợ lợi nhuận của các doanh nghiệp sản xuất phân bón trong nước (do ghi nhận giảm chi phí). Và đây cũng là cơ sở để các DN phân bón có thể hạ thấp giá bán phân bón & dành được một nguồn lực vốn đáng kể để tái đầu tư vào công nghệ sản xuất, từ đó gia tăng sức cạnh tranh. Tuy nhiên, mức độ tác động tới các DN sản xuất phân bón sẽ khác nhau, trong đó, DCM là một trong số các DN phân bón hưởng lợi vì nguyên liệu đầu vào chính của DCM là khí thiên nhiên đang phải chịu thuế VAT đầu vào, và khoản thuế VAT đầu vào này sẽ được hoàn thuế & DCM sẽ được hưởng lợi do ghi nhận giảm chi phí so với các năm trước.
- Đối với mặt hàng phân ure của DCM có sử dụng nguyên liệu đầu vào là khí thiên nhiên nên sẽ được khấu trừ thuế VAT 5% trong khi phân NPK thì không được khấu trừ thuế VAT. Chúng tôi ước tính việc khấu trừ thuế VAT này có thể giúp DCM tiết kiệm 380-450 tỷ đồng/năm.

6. **Một số yếu tố khác:**

- **Liên tục cải tiến kỹ thuật nhằm nâng cao hiệu suất vận hành & giảm chi phí sản xuất:** công suất thiết kế của Nhà máy Đạm Cà Mau đã được nâng từ 100% lên 115% thông qua việc xử lý các điểm nghẽn công nghệ và áp dụng các giải pháp đổi mới do chính đội ngũ cán bộ kỹ thuật nội bộ đề xuất. Trong giai đoạn tới, Công ty tiếp tục đặt mục tiêu nâng công suất lên 118%, tiến tới 125%.
- **Mở rộng sang lĩnh vực chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa:** Trong kỳ họp ĐHCĐ năm 2025, Đại hội đã thông qua việc bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh mới là chế biến sữa hạt và các sản phẩm từ sữa hạt. Theo đó, Công ty sẽ nghiên cứu thử nghiệm chế biến các loại hạt giàu dinh dưỡng, sẽ chủ động phát triển vùng nguyên liệu, đồng thời hợp tác với các doanh nghiệp đã có nền tảng trong ngành thực phẩm để xây dựng thương hiệu và xác định phân khúc thị trường rõ ràng, từng bước thiết lập chuỗi cung ứng khép kín, củng cố vị thế và nâng cao khả năng phát triển bền vững trong lĩnh vực nông nghiệp - thực phẩm. Chúng tôi đánh giá đây là lĩnh vực hoàn toàn mới đối với DCM và cần thời gian để kiểm nghiệm sự thành công. Do đó, chúng tôi chưa đưa vào mô hình dự phóng.

7. **Dự phóng KQKD:**

- Trên cơ sở giả định như sau:
 - 1) Giá dầu Brent năm 2025F & 2026F dự kiến dao động quanh 70 USD/thùng (-13% svck) & 66 USD/thùng (-6% svck) dựa trên cơ sở nguồn cung có dấu hiệu dư thừa khi OPEC+ liên tục tăng sản lượng & nhu cầu tiêu thụ vẫn yếu. Giá dầu Brent trong giai đoạn sau sẽ phục hồi nhẹ trở lại;
 - 2) Giá dầu FO giả định biến động cùng chiều với giá dầu Brent, dự báo giá dầu FO năm 2025F & 2026F đạt 387,9 USD/tấn (-6,5% svck) & 376,8 USD/tấn (-2,9% svck), sau đó sẽ phục hồi trở lại từ năm 2027;
 - 3) Cước phí vận chuyển giả định dao động quanh 1,09 USD/mmBTU;

4) Giả định tỷ trọng nguồn khí theo quyền nhận của PVN & nguồn mua ngoài từ Petronas là 50%/50%.

- Chúng tôi dự phóng giá khí đầu vào của DCM cho năm 2025F và 2026F là 8,61 USD/mmBTU (-9,6% svck) & 8,26 USD/mmBTU (-4,1% svck).

Dự phóng giá khí đầu vào của DCM

Dự phóng	ĐVT	2024E	2025F	2026F	2027F	2028F	2029F
Giá dầu Brent	USD/thùng	80,52	70,00	66,00	69,00	70,00	72,00
Giá khí mua bổ sung từ Petronas	USD/mmBTU	10,23	8,89	8,38	9,45	9,59	9,86
Tỷ trọng mua từ Petronas	%	50,0%	50,0%	50,0%	50,0%	50,0%	50,0%
Giá dầu MFO	USD/tấn	415,00	387,89	376,81	393,94	399,64	411,06
Giá khí mua theo quyền nhận từ PVN	USD/mmBTU	4,91	4,59	4,46	4,66	4,73	4,86
Tỷ trọng mua từ PVN	%	50,0%	50,0%	50,0%	50,0%	50,0%	50,0%
Giá khí quy đổi	USD/mmBTU	7,57	6,74	6,42	7,06	7,16	7,36
Cước phí vận chuyển	USD/mmBTU	1,09	1,09	1,09	1,09	1,09	1,09
Giá khí (gồm VAT)	USD/mmBTU	9,52	8,61	8,26	8,96	9,07	9,30
%YOY		-0,4%	-9,6%	-4,1%	8,5%	1,3%	2,5%

Nguồn: DCM, ABS Research

- Mảng phân ure:** Chúng tôi giả định hiệu suất Nhà máy Đạm Cà Mau sẽ đạt 120% trong các năm tới, sản lượng tiêu thụ năm 2025F & 2026F lần lượt đạt 883 nghìn tấn (+9,8% svck) & 892 nghìn tấn (+1% svck), giá bán 2025F & 2026F dự kiến đạt 9.886 đồng/kg (+3,3% svck) & 9.985 đồng/kg (+1% svck), giá vốn 2025F & 2026F dự kiến đạt 6.462 đồng/kg (-5,4% svck) & 6.198 đồng/kg (-4,1% svck). Chúng tôi dự phóng DTT mảng ure 2025F & 2026F dự kiến đạt 8.733 tỷ đồng (+13,4% svck) & 8.908 tỷ đồng (+2% svck), LNG dự phóng lần lượt là 3.224 tỷ đồng (+46,4% svck) & 3.766 tỷ đồng (+16,8% svck).
- Mảng phân NPK:** Chúng tôi giả định sản lượng tiêu thụ năm 2025F & 2026F lần lượt đạt 224 nghìn tấn (+27,6% svck) & 281 nghìn tấn (+25% svck), giá bán 2025F & 2026F dự kiến đạt 20.433 đồng/kg (+28,5% svck) & 20.229 đồng/kg (-1% svck), giá vốn 2025F & 2026F dự kiến đạt 19.423 đồng/kg (+42,6% svck) & 19.229 đồng/kg (-1% svck). Chúng tôi dự phóng DTT mảng NPK năm 2025F & 2026F dự kiến đạt 4.585 tỷ đồng (+64% svck) & 5.674 tỷ đồng (+23,8% svck), LNG dự phóng lần lượt là 227 tỷ đồng (-43,7% svck) & 280 tỷ đồng (+23,7% svck), chủ yếu do giá đầu vào của NPK tăng mạnh làm giảm biên LNG.
- Chúng tôi dự phóng DTT & LNST của cổ đông Công ty mẹ năm 2025F của DCM dự kiến đạt 16.955 tỷ đồng (+26% svck) & 1.917 tỷ đồng (+35% svck).** EPS & BVPS 2025F dự kiến đạt 3.621 đồng/cp & 20.738 đồng/cp, tương ứng 2025F P/E và P/B đạt 9,50 lần & 1,65 lần tại mức giá giao dịch hiện tại.
- Năm 2026F, chúng tôi dự phóng DTT & LNST cổ đông Công ty mẹ của DCM đạt 18.207 tỷ đồng (+7,4% svck) & 2.163 tỷ đồng (+12,8% svck). EPS & BVPS 2026F dự kiến đạt 4.085 đồng/cp & 22.778 đồng/cp, tương ứng 2025F P/E & P/B đạt 8,40 lần & 1,50 lần tại mức giá hiện tại.

Bảng dự phóng các mảng kinh doanh của DCM

Mảng kinh doanh		2022	2023	2024	2025F	2026F
Phân bón						
Doanh thu		13,655	9,987	10,497	13,318	14,583
	% YOY	78.0%	-26.9%	5.1%	26.9%	9.5%
	% Tổng doanh thu	83.4%	77.1%	75.3%	77.8%	79.3%
Giá vốn hàng bán		(7,846)	(7,892)	(7,891)	(9,967)	(10,730)
Lợi nhuận gộp		5,809	2,095	2,606	3,351	3,852
	% YOY	133.1%	-63.9%	24.4%	28.6%	15.0%
Phân bón thương mại						
Doanh thu		1,973	2,167	2,440	2,931	2,931
	% YOY	20.4%	9.9%	12.6%	20.1%	0.0%
	% Tổng doanh thu	12.0%	16.7%	17.5%	17.1%	15.9%
Giá vốn hàng bán		(1,876)	(2,024)	(2,290)	(2,676)	(2,703)
Lợi nhuận gộp		97	144	150	255	228
	% YOY	-37.2%	48.4%	4.7%	69.7%	-10.6%
Phế phẩm và các thành phẩm khác						
Doanh thu		750	786	1,002	874	874
	% YOY	-3.4%	4.8%	27.4%	-12.8%	0.0%
	% Tổng doanh thu	4.6%	6.1%	7.2%	5.1%	4.8%
Giá vốn hàng bán		(499)	(621)	(760)	(590)	(590)
Lợi nhuận gộp		251	165	241	284	284
	% YOY	-31.1%	-34.4%	46.5%	17.7%	0.0%
Dịch vụ						
Doanh thu		2	9	4	4	4
	% YOY	34.6%	317.3%	-57.3%	0.0%	0.0%
	% Tổng doanh thu	0.0%	0.1%	0.0%	0.0%	0.0%
Giá vốn hàng bán		-	(2)	(0)	(1)	(1)
Lợi nhuận gộp		2	8	4	3	3
	% YOY	34.6%	244.8%	-48.9%	-24.4%	0.0%
Tổng doanh thu thuần						
	% YOY	61.3%	-21.1%	7.0%	26.0%	7.4%
Tổng giá vốn hàng bán						
		(10,221)	(10,539)	(10,942)	(13,233)	(14,023)
Tổng lợi nhuận gộp						
		5,703	2,032	2,513	3,722	4,183
Biên lợi nhuận gộp						
		35.82%	16.16%	18.68%	21.95%	22.98%

Nguồn: ABS Research

Định giá và khuyến nghị

Chúng tôi thực hiện định giá cổ phiếu DCM dựa theo Phương pháp chiết khấu dòng tiền FCFF.

Một số giả định khác:

- Chúng tôi giả định Công ty không tiến hành tăng vốn.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp là 6%/năm trong năm 2025, 10%/năm trong giai đoạn 2026-2027 và 20%/năm từ năm 2028.
- Chúng tôi giả định cổ tức năm 2025 và các năm về sau sẽ ở mức 20%/năm do KQKD năm 2025 dự kiến phục hồi trở lại & dòng tiền của DCM cũng khá dồi dào.

Phương pháp chiết khấu dòng tiền FCFF:

- Chi phí vốn chủ sở hữu được xác định theo phương pháp CAPM trong đó lãi suất phi rủi ro giả sử bằng lãi suất TPCP kỳ hạn 10 năm là 3,12%. Phần bù rủi ro thị trường là 8,35% (theo Damodaran tháng 1/2025). Beta là 0,98 lần. Khi đó, tỷ suất lợi nhuận yêu cầu WACC được tính ra là 10,51%.
- **Giá theo phương pháp FCFF là 38.065 đ/cp.**

Lãi suất phi rủi ro	3,12%
Phần bù rủi ro thị trường	8,35%
Beta	0,98
WACC	10,51%
Tăng trưởng dài hạn	1,0%

Khuyến nghị: Giá mục tiêu chúng tôi đưa ra là 38.100 đồng/cp, tương ứng tiềm năng tăng giá +11,9% so với giá hiện tại. Do đó, chúng tôi khuyến nghị **KHẢ QUAN** đối với cổ phiếu DCM.

Rủi ro:

- ✓ Rủi ro giá nguyên liệu đầu vào tăng mạnh hơn dự báo của chúng tôi.
- ✓ Giá bán phân bón có thể sụt giảm do những động thái tăng xuất khẩu của các quốc gia lớn.

Cơ hội:

- ✓ Giá phân bón tăng mạnh hơn dự báo của chúng tôi do những yếu tố thắt chặt nguồn cung từ các quốc gia lớn, căng thẳng địa chính trị làm gián đoạn nguồn cung.
- ✓ Giá nguyên liệu giảm mạnh hơn dự báo của chúng tôi.

PHỤ LỤC: MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHÍNH CỦA DCM

Báo cáo KQ HKKD (Tỷ đồng)	2023	2024	2025F	2026F
Doanh thu thuần	12.571	13.456	16.955	18.207
Giá vốn hàng bán	-10.539	-10.942	-13.233	-14.023
Lợi nhuận gộp	2.032	2.513	3.722	4.183
Doanh thu tài chính	577	382	425	474
Chi phí tài chính	-27	-77	-92	-94
Chi phí bán hàng	-801	-1.014	-1.342	-1.441
Chi phí QLDN	-549	-481	-667	-716
Lợi nhuận từ HKKD	1.232	1.323	2.046	2.406
Lãi/Lỗ khác	22	199	6	6
Lợi nhuận trước thuế	1.255	1.522	2.052	2.412
Lợi nhuận sau thuế	1.110	1.428	1.925	2.171
LNST cổ đông Công ty mẹ	1.109	1.420	1.917	2.163

Báo cáo LCTT (Tỷ đồng)	2023	2024	2025F	2026F
LCT thuần từ HKKD	2.313	89	1.665	2.421
LCT thuần từ Hoạt động đầu tư	-1.469	141	-771	-771
LCT thuần từ Hoạt động tài chính	-754	-625	-559	-1.259
LCT thuần trong kỳ	90	-395	335	391
Tiến & tương đương tiền đầu kỳ	2.126	2.284	1.914	2.249
Tiến & tương đương tiền cuối kỳ	2.215	1.890	2.249	2.641

Chỉ số tài chính	2023	2024	2025F	2026F
Khả năng thanh toán				
Khả năng thanh toán hiện hành	2,99	2,76	2,54	2,68
Khả năng thanh toán nhanh	2,41	2,02	1,88	1,98
Khả năng thanh toán tiền mặt	2,33	1,91	1,63	1,71
Khả năng thanh toán lãi vay	124,56	35,30	34,74	45,47

Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,65	0,65	0,62	0,65
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,35	0,35	0,38	0,35
Nợ vay/Vốn chủ sở hữu (D/E)	0,09	0,13	0,17	0,14

Chỉ số hiệu suất hoạt động				
Số ngày phải thu	2,9	6,7	14,6	22,7
Số ngày phải trả	52,3	60,1	43,7	43,0
Số ngày tồn kho	76,9	85,2	85,3	89,1

Khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	16,2%	18,7%	22,0%	23,0%
Tỷ suất lợi nhuận HKKD	5,8%	8,1%	10,7%	11,8%
Tỷ suất LNST	8,8%	10,6%	11,4%	11,9%
ROE	10,8%	14,2%	18,2%	17,9%
ROA	7,6%	9,2%	11,5%	11,6%

Bảng cân đối kế toán (Tỷ đồng)	2023	2024	2025F	2026F
+ Tiến và các khoản tương đương tiền	2.284	1.903	2.249	2.641
+ Đầu tư ngắn hạn	8.242	7.039	7.039	7.039
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	366	529	1.443	1.550
+ Hàng tồn kho	2.161	2.950	3.232	3.425
+ Tài sản ngắn hạn khác	452	500	492	528
Tài sản ngắn hạn	13.504	12.921	14.456	15.183
+ Các khoản phải thu dài hạn	0	1	1	1
+ Tài sản cố định	1.600	1.946	2.329	2.684
+ Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
+ Tài sản dở dang dài hạn	88	601	601	601
+ Đầu tư dài hạn	0	0	0	0
+ Tài sản dài hạn khác	45	260	272	293
Tài sản dài hạn	1.733	2.808	3.203	3.579
Tổng Tài sản	15.238	15.729	17.658	18.762
+ Vay ngắn hạn	846	1.229	1.729	1.529
+ Nợ ngắn hạn khác	3.671	3.452	3.972	4.137
Nợ ngắn hạn	4.517	4.681	5.701	5.667
+ Vay dài hạn	3	120	120	120
+ Các khoản phải trả dài hạn khác	754	751	818	867
Nợ dài hạn	757	871	937	986
Tổng nợ phải trả	5.275	5.552	6.639	6.653
+ Vốn cổ phần	5.294	5.294	5.294	5.294
+ Thặng dư vốn cổ phần	0	0	0	0
+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.045	1.883	2.685	3.765
+ Quỹ khác	2.625	3.001	3.041	3.050
Vốn chủ sở hữu	9.963	10.177	11.020	12.109
Tổng cộng nguồn vốn	15.238	15.729	17.658	18.762

Tỷ lệ tăng trưởng (%)	2023	2024	2025F	2026F
Tăng trưởng doanh thu	-21,1%	7,0%	26,0%	7,4%
Tăng trưởng LNTT	-72,5%	23,8%	34,9%	16,7%
Tăng trưởng LNST	-74,3%	28,6%	34,8%	12,8%
Tăng trưởng VCŞH	-6,1%	2,1%	8,3%	9,9%
Tăng trưởng Tổng tài sản	7,6%	3,2%	12,3%	6,2%

Định giá (lần)	2023	2024	2025F	2026F
P/E	16,1	14,0	9,5	8,4
P/B	1,5	1,8	1,65	1,50
EPS	1.797	2.394	3.621	4.085
BVPS	18.768	19.162	20.738	22.778

Nguồn: FiinPro, ABS Research

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của ABS tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo. ABS sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất tài chính nào hoặc bất kỳ quyết định nào được thực hiện trên cơ sở thông tin được trình bày trong báo cáo này. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của ABS, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của ABS.

Nguyên tắc khuyến nghị

MUA	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ 8% đến 15%
TRUNG LẬP	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -5% đến 8%
KÉM KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến -5%
BÁN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -15%

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

Thông tin liên hệ

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Trụ sở chính: Tầng 16, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3562 4626

Website: www.abs.vn

Trung tâm Phân tích

Điện thoại: (024) 3562 4626 – Ext: 151

Email: abs-research@abs.vn

Dầu khí, Điện, Hóa chất

Lê Thị Kim Huê - Phó Giám đốc

Email: hue.lethikim@abs.vn

Vĩ mô, Tài chính

Nguyễn Xuân Hải - Chuyên viên

Email: hai.nguyensexuan@abs.vn

Hàng và Dịch vụ công nghiệp

Nguyễn Thị Kỳ Duyên - Chuyên viên

Email: duyen.nguyenthiky@abs.vn

Hàng tiêu dùng, Bán lẻ

Kiều Thị Thanh Thư - Chuyên viên

Email: thu.kieuthithanh@abs.vn

Nguyễn Thị Thùy Linh - Giám đốc TTPT

Email: linh.ngthithuy@abs.vn

PTKT và Chiến lược thị trường

Đặng Xuân Lưu - Giám đốc

Email: luu.dangxuan@abs.vn

Bất động sản, Xây dựng, VLXD

Phạm Hồng Trường - Chuyên viên

Email: truong.phamhong@abs.vn

Hàng xuất khẩu, Công nghệ & Viễn thông

Bùi Minh Anh - Chuyên viên

Email: anh.buiminhh@abs.vn



Từ hào
NHẬN CÚ ĐÚP
GIẢI THƯỞNG



BEST NEW STOCK TRADING APP
ABS INVEST - VIỆT NAM 2024

ỨNG DỤNG GIAO DỊCH CỔ PHIẾU MỚI
TỐT NHẤT VIỆT NAM



BEST SECURITIES HOUSE FOR RESEARCH
IN VIỆT NAM 2024

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT
VIỆT NAM VỀ PHÂN TÍCH ĐẦU TƯ



Trải nghiệm ngay
ABS Invest tại đây